VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2025/TT-VKSTC	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân các cấp

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 225/2025/QH15 của Quốc hội về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các luật tố tụng và luật khác có liên quan;

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân các cấp kể từ ngày 01/7/2025 theo quy định của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính và các luật khác, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có liên quan.

2. Thông tư này không quy định việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Viện kiểm sát quân sự các cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố (*sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh*).

3. Viện kiểm sát nhân dân khu vực.

4. Người có thẩm quyền tố tụng thuộc các cơ quan, đơn vị được nêu tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền

Kể từ ngày 01/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ Công tố và Kiểm sát xét xử hình sự - Vụ 7, Vụ Kiểm sát án dân sự - Vụ 9, Vụ Kiểm sát án hành chính, kinh doanh thương mại - Vụ 10, Vụ Kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp - Vụ 12) tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền sau đây:

1. Tiếp nhận nhiệm vụ xử lý, giải quyết đơn, văn bản đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh mà trước ngày 01/7/2025 thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã có hiệu lực pháp luật mà Viện kiểm sát nhân dân cấp cao chưa giải quyết xong;

2. Xử lý, giải quyết đơn, văn bản đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh; thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

3. Giải quyết đơn, văn bản đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân khu vực đã có hiệu lực pháp luật khi xét thấy cần thiết. Trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân khu vực đã có hiệu lực pháp luật thì phân công cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh (tương ứng với Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm) thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết;

4. Kiểm sát việc Tòa án nhân dân tối cao giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị về phá sản theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

5. Giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Viện Phúc thẩm), Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; giải quyết khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Viện trưởng Viện Phúc thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;

6. Giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong giải quyết các vụ việc, vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm;

7. Giải quyết tố cáo hành vi tố tụng của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuộc Viện Phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính và pháp luật khác có liên quan;

8. Kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo quy định của pháp luật;

9. Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ việc, vụ án khác theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, trừ trường hợp quy định tại Điều 4 Thông tư này;

10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Viện Phúc thẩm tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền

Kể từ ngày 01/7/2025, Viện Phúc thẩm có thẩm quyền theo lãnh thổ tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền sau đây:

1. Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với các bản án, quyết định mà Viện kiểm sát nhân dân cấp cao chưa giải quyết xong; những bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm;

2. Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với:

a) Vụ án hình sự đã được Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết theo thủ tục sơ thẩm trước ngày 01/7/2025 mà bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị;

b) Vụ án hình sự mà bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nhưng sau đó bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị;

c) Vụ án hình sự mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh thụ lý theo thủ tục sơ thẩm từ ngày 01/7/2025 theo quy định tại khoản 2 Điều 268 Bộ luật Tố tụng hình sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 99/2025/QH15 mà bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị.

3. Kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác đã được Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết theo thủ tục sơ thẩm mà bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị;

4. Kiểm sát việc giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản mà trước ngày 01/7/2025 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp cao; kiểm sát việc giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản của Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

5. Kiểm sát việc giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

6. Giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên của Viện Phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong việc giải quyết các vụ việc, vụ án theo thủ tục phúc thẩm;

7. Kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao đối với quyết định, hành vi tố tụng trong hoạt động xét xử phúc thẩm tại phiên tòa;

8. Kiểm sát việc Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao giải quyết các yêu cầu, đề nghị, kiến nghị, kháng nghị đối với các vụ việc, vụ án khác đã được Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ví dụ: kiểm sát việc giải quyết kiến nghị, kháng nghị đối với các quyết định về thi hành án hình sự của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, như: Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, Quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, Quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện…;

9. Kiểm sát việc giải quyết các vụ việc khác và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 5. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền

Kể từ ngày 01/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền sau đây:

1. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết vụ việc, vụ án hình sự theo quy định tại các điều 7, 8 và 9 Thông tư số 02/2025/TT-VKSTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân các cấp trong thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết vụ việc, vụ án hình sự (*sau đây gọi là Thông tư số 02/2025/TT-VKSTC*);

2. Kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, vụ án hành chính và những vụ, việc khác theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm;

3. Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ việc, vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị;

4. Tiếp tục thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ việc, vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân khu vực mà Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đã thụ lý trước ngày 01/7/2025 nhưng chưa giải quyết xong;

5. Xử lý, giải quyết đơn, văn bản đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm và thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện mà trước ngày 01/7/2025 thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

6. Kiểm sát việc Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc theo quy định pháp luật;

7. Kiểm sát việc Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân khu vực trong việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, xem xét quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi;

8. Kiểm sát việc Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân khu

vực; kiểm sát việc Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết vụ việc phá sản mà quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị hủy để giải quyết lại;

9. Kiểm sát việc Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết đơn đề nghị hoặc văn bản kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân khu vực theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

10. Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp theo thẩm quyền;

11. Giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh; giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực; giải quyết khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực, của Thủ trưởng Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

12. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh giải quyết tố cáo hành vi tố tụng của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, trừ tố cáo đối với hành vi tố tụng của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính và pháp luật khác có liên quan;

13. Kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;

14. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong thi hành án dân sự, thi hành án hành chính trong trường hợp việc thi hành án dân sự, thi hành án hành chính liên quan đến nhiều khu vực và các trường hợp khác theo quy định;

15. Kiểm sát việc giải quyết các vụ việc khác và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Viện kiểm sát nhân dân khu vực tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền

Kể từ ngày 01/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền sau đây:

1. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết vụ việc, vụ án hình sự theo quy định tại các điều 10, 11 và 12 Thông tư số 02/2025/TT-VKSTC;

2. Tiếp nhận nhiệm vụ giải quyết vụ việc, vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự, vụ việc phá sản và các vụ việc khác mà Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện chưa giải quyết xong; những vụ việc, vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện bị hủy để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm;

3. Kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục sơ thẩm các vụ việc dân sự, vụ án hành chính, vụ việc phá sản và những vụ việc khác theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực, bao gồm:

a) Kiểm sát việc thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm các vụ án hành chính, vụ việc dân sự, vụ việc phá sản và các vụ việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Phá sản, Luật Trọng tài thương mại, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và các luật khác, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có liên quan;

b) Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã nhận đơn khởi kiện, đơn yêu cầu trước ngày 01/7/2025 nhưng chưa thụ lý;

c) Kiểm sát việc Tòa án nhân dân khu vực thụ lý, giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự đã tiến hành hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh nhưng thuộc trường hợp chấm dứt hòa giải, đối thoại theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án hoặc Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã ra quyết định không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

4. Kiểm sát việc Tòa án nhân dân khu vực xem xét, quyết định hoãn, miễn, giảm, tạm đình chỉ, miễn chấp hành phần thời gian áp dụng xử lý hành chính còn lại trong việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi;

5. Kiểm sát việc Tòa án nhân dân khu vực xem xét, quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; quyết định trưng cầu giám định pháp y, pháp y tâm thần đối với phạm nhân, áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh đối với người đang chấp hành án phạt tù; các nhiệm vụ, quyền hạn khác trong thi hành án theo quy định của pháp luật;

6. Kiểm sát việc giải quyết vụ việc phá sản, vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại, vụ án hành chính về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực;

7. Kiểm sát việc giải quyết đối với vụ việc bắt giữ tàu bay, tàu biển thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã nhận đơn yêu cầu trước ngày 01/7/2025 nhưng chưa thụ lý;

8. Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp theo thẩm quyền;

9. Giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân khu vực và những trường hợp khác theo quy định pháp luật;

10. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực giải quyết tố cáo hành vi tố tụng của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, trừ tố cáo đối với hành vi tố tụng của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực và của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính và pháp luật khác có liên quan;

11. Kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của các cơ quan tư pháp theo thẩm quyền;

12. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong thi hành án dân sự, thi hành án hành chính của cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan có trách nhiệm thi hành án hành chính, Tòa án nhân dân khu vực, Chấp hành viên, tổ chức, cá nhân khác được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành án dân sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi khu vực theo quy định;

13. Kiểm sát việc giải quyết các vụ việc khác và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý trong trường hợp Viện kiểm sát nhân dân khu vực tiếp nhận nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với vụ việc, vụ án hình sự đã được Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện thụ lý trước ngày 01/7/2025 mà không thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ hoặc thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của nhiều Viện kiểm sát nhân dân khu vực

1. Vụ việc, vụ án Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đã thụ lý trước ngày 01/7/2025 đang giải quyết, nhưng sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã không thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Viện kiểm sát nhân dân khu vực tiếp nhận nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân huyện đó thì xử lý như sau:

a) Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân khu vực tiếp nhận nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ việc, vụ án thì chuyển nhiệm vụ đó cho Viện kiểm sát nhân dân khu

vực có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ căn cứ vào đơn vị hành chính cấp xã mới để thực hiện;

b) Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân khu vực tiếp nhận nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát việc truy tố thì ra quyết định chuyển vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ căn cứ vào đơn vị hành chính cấp xã mới để thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 239 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Vụ việc, vụ án Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đã thụ lý trước ngày 01/7/2025 đang giải quyết, nhưng sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc thẩm quyền theo lãnh thổ của nhiều Viện kiểm sát nhân dân khu vực thì Viện kiểm sát nhân dân khu vực nơi kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đã thụ lý tiếp tục thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết đối với vụ việc, vụ án đó. Trường hợp phức tạp thì báo cáo Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh để xác định thẩm quyền giải quyết.

Điều 8. Về tiếp nhận thủ tục tố tụng, sử dụng văn bản do Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành; sử dụng biểu mẫu tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân

1. Viện kiểm sát nhân dân khu vực tiếp nhận nhiệm vụ, kế thừa quyền, trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 84/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Viện kiểm sát nhân dân khu vực.

2. Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đã thực hiện một hoặc một số thủ tục tố tụng của vụ việc, vụ án theo quy định của pháp luật trước ngày 01/7/2025 thì Viện kiểm sát nhân dân khu vực tiếp nhận nhiệm vụ không thực hiện lại thủ tục tố tụng mà tiến hành thủ tục tố tụng tiếp theo để giải quyết vụ việc, vụ án đó. Văn bản tố tụng do Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đã ban hành được Viện kiểm sát nhân dân khu vực tiếp nhận nhiệm vụ sử dụng để tiến hành thủ tục tố tụng tiếp theo.

3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận nhiệm vụ, kế thừa quyền, trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tiếp tục thực hiện thủ tục tố tụng, sử dụng văn bản tố tụng do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành để tiến hành thủ tục tố tụng tiếp theo như hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp công việc, thủ tục tố tụng mà Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đang thực hiện hoặc đã thực hiện xong trước ngày 01/7/2025 mà phát sinh vấn đề liên quan cần giải quyết thì Viện kiểm sát tiếp nhận nhiệm vụ có trách nhiệm giải quyết, xử lý vấn đề đó.

5. Văn bản do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, người tiến hành tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện ban hành trước ngày 01/7/2025 mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi Viện kiểm sát, cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ, thu hồi.

6. Trường hợp do sắp xếp tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân mà phải thay đổi người tiến hành tố tụng thì Viện trưởng Viện Phúc thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực tiếp nhận nhiệm vụ ban hành quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng. Trường hợp Kiểm sát viên bị thay đổi là Viện trưởng Viện kiểm sát thì do Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp quyết định; Kiểm sát viên bị thay đổi là Viện trưởng Viện Phúc thẩm thì do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định.

7. Tiếp tục sử dụng các biểu mẫu tố tụng do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành cho đến khi có văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế. Trường hợp tên và các thông tin khác của Viện kiểm sát, cơ quan, tổ chức bị thay đổi do sắp xếp tổ chức bộ máy thì khi sử dụng biểu mẫu phải thay thế bằng tên mới, điều chỉnh thông tin cho phù hợp.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Vụ Pháp chế, Thanh tra, Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có vướng mắc, các đơn vị, Viện kiểm sát nhân dân các cấp kịp thời báo cáo về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (qua Vụ Pháp chế Viện kiểm sát nhân dân tối cao) để có hướng dẫn./.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Huy Tiến